

Số: 70 /2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Thông tư số 22/2023/TT-BCA ngày 30 tháng 6 năm 2023) và Thông tư số 31/2015/TT-BCA ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn một số nội dung về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 65/2022/TT-BCA ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Thông tư số 06/2025/TT-BCA ngày 16 tháng 01 năm 2025)

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 51/2019/QH14, Luật số 23/2023/QH15, Luật số 103/2025/QH15 và Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Thông tư số 22/2023/TT-BCA ngày 30 tháng 6 năm 2023) và Thông tư số 31/2015/TT-BCA ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn một số nội dung về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 65/2022/TT-BCA ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Thông tư số 06/2025/TT-BCA ngày 16 tháng 01 năm 2025).

Chương I**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 04/2015/TT-BCA NGÀY 05 THÁNG 01 NĂM 2015 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH MẪU GIẤY TỜ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU TẠI THÔNG TƯ SỐ 57/2020/TT-BCA NGÀY 10 THÁNG 6 NĂM 2020 VÀ THÔNG TƯ SỐ 22/2023/TT-BCA NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2023)****Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số mẫu giấy tờ ban hành kèm theo**

1. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Tờ khai đề nghị cấp thị thực Việt Nam (NA1).
2. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Thông tin đề nghị cấp thị thực điện tử (NA1a).
3. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Công văn đề nghị xét duyệt, kiểm tra nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NA2).
4. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Đơn bảo lãnh cho thân nhân là người nước ngoài nhập cảnh (NA3).
5. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Tờ khai đề nghị cấp thị thực, gia hạn tạm trú (NA5).
6. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Công văn đề nghị cấp thẻ tạm trú (NA6).
7. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Đơn bảo lãnh cấp thẻ tạm trú (NA7).
8. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Tờ khai đề nghị cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài (NA8).
9. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Tờ khai đề nghị cấp, cấp lại giấy miễn thị thực (NA9).
10. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Giấy bảo lãnh cho người nước ngoài thường trú tại Việt Nam (NA11).
11. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Đơn xin thường trú (NA12).
12. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Tờ khai cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú (NA13).
13. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Công văn đề nghị cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA14).

14. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Đơn xin phép cho thân nhân vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NA15).

15. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Văn bản giới thiệu con dấu, chữ ký của người có thẩm quyền của tổ chức (NA16).

16. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định Phiếu khai báo tạm trú của người nước ngoài (NA17).

17. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Công văn trả lời đề nghị xét duyệt nhân sự người nước ngoài nhập cảnh (NB1).

18. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Công văn trả lời đề nghị cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế (NB3).

19. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Giấy biên nhận hồ sơ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (NB7).

20. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Thị thực rời (NC2).

21. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Thẻ thường trú (NC9).

22. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới (NC10).

23. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Biên bản tạm hoãn xuất cảnh/buộc xuất cảnh/chưa cho nhập cảnh (NC11).

24. Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy tờ quy định về Quyết định buộc xuất cảnh (NC12).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2

“4. Phiếu yêu cầu thông báo (NA4).”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Thông báo cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp thị thực cho khách (NB4).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Thông báo về việc giải quyết cho người nước ngoài thường trú (NB6).”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4

“4. Thẻ tạm trú loại rời (NC3B).”.

Điều 5. Bãi bỏ một số quy định

1. Bãi bỏ khoản 19 và khoản 20 Điều 2.

2. Bãi bỏ các khoản 3a, 3b và 3c Điều 3.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 31/2015/TT-BCA NGÀY 06 THÁNG 7 NĂM 2015 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ CẤP THỊ THỰC, CẤP THẺ TẠM TRÚ, CẤP GIẤY PHÉP XUẤT NHẬP CẢNH, GIẢI QUYẾT THƯỜNG TRÚ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM (ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU TẠI THÔNG TƯ SỐ 65/2022/TT-BCA NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2022 VÀ THÔNG TƯ SỐ 06/2025/TT-BCA NGÀY 16 THÁNG 01 NĂM 2025)

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3

“1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân bảo lãnh người nước ngoài vào Việt Nam theo khoản 1 Điều 16 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Luật) trực tiếp gửi văn bản đề nghị cấp thị thực tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trên môi trường điện tử đối với cơ quan, tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16b của Luật và cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16b của Luật.”.

Điều 7. Thay thế, bỏ một số cụm từ tại một số điểm, khoản, điều

1. Thay thế cụm từ “05 năm” bằng cụm từ “10 năm” tại khoản 4 Điều 4.
2. Bỏ cụm từ “trực thuộc Trung ương” trong cụm từ “Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 5, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 7.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương và các đơn vị khác có liên quan tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Quản lý xuất nhập cảnh) để có hướng dẫn kịp thời.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy tờ có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài được cấp trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn hoặc đến thời hạn cấp đổi theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các hồ sơ sử dụng mẫu giấy tờ theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2020/TT-BCA ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Thông tư số 22/2023/TT-BCA ngày 30 tháng 6 năm 2023) đã được cơ quan có thẩm quyền lập hoặc tiếp nhận trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục được xử lý, giải quyết. /llm

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, QLXNC(P4).


BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang